

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 3 năm 2021
(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hạ Tuấn; Ông Đặng Viết Côi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Lan, Cán bộ Tòa án ND huyện UH.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH tham gia phiên tòa:

Ông Trịnh Minh Sỹ -Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án ND huyện UH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2021/QĐHPT-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị **Đoàn Thị T** - sinh năm 1970

***Bị đơn:** Anh **Đoàn Văn S** -sinh năm 1962

Đều có nguyên quán và nơi ĐKKHKT: thôn QT, xã ĐH, huyện UH, thành phố Hà Nội.

(Chị T có đơn xin vắng mặt; anh S vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ án, chị Đoàn Thị T là nguyên đơn trình bày:*Chị và anh Đoàn Văn S tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH năm 2000. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung. Anh S là người chồng sống không quan tâm đến vợ con và gia đình, không chịu đi làm kiếm tiền để cùng chị lo kinh tế gia đình, chị đã nói chuyện góp ý với anh S rất nhiều lần nhưng anh S không hề thay đổi mà cứ mỗi lần chị nói chuyện thì bị anh S đánh chị, năm 2002 chị đã phải bỏ đi khỏi nhà anh S khoảng hơn 01 năm nhưng sau đó nghĩ

vì thương con nên chị lại quay về chung sống với anh S, tuy nhiên cuộc sống vợ chồng sau đó vẫn không cải thiện được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, anh S còn đánh chửi nhiều hơn. Cho đến năm 2011 do không thể chịu đựng cuộc sống với anh S, nên chị đã bỏ đi khỏi nhà anh S, anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay đã được 10 năm, không ai quan tâm đến ai. Nay chị làm đơn này xin được ly hôn với anh S để ổn định cuộc sống của chị.

Về con chung: Chị và anh S có 01 con chung: Đoàn Mạnh Q - sinh ngày 17/12/2000. Hiện nay, cháu Q đã khôn lớn trưởng thành, khỏe mạnh và có công việc riêng nên chị không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vợ chồng chị vì chị cương quyết giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn và vì công việc của chị rất bận, chị lại đi làm xa nhà nên chị không muốn mất thời gian và công sức đi lại.

Theo Biên bản lấy lời khai và Biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ án, anh Đoàn Văn S là Bị đơn trình bày: anh và chị Đoàn Thị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH vào năm 2000. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, mặc dù hai vợ chồng đã rất cố gắng tìm cách giải quyết nhưng tình trạng vẫn không thay đổi được, mâu thuẫn ngày càng trở nên căng thẳng hơn. Do mâu thuẫn căng thẳng nên hai vợ chồng anh sống ly thân đã 10 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh, quan điểm anh vợ chồng tuy không còn tình cảm với nhau nhưng đến nay con cái cũng đã lớn, chuyện xảy ra cũng đã lâu, nay hai vợ chồng anh cũng đã có tuổi nên muốn về chung sống với nhau dựa nhau lúc tuổi già do đó anh không đồng ý ly hôn. Anh muốn chờ đến cuối tháng 12 năm 2020 con trai chung của anh ra Q trở về nhà, khi đó gia đình anh đầy đủ, anh muốn nghe ý kiến của con trai anh nên anh muốn chờ con anh về anh mới giải quyết việc ly hôn này.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung: Đoàn Mạnh Q - sinh ngày 17/12/2000. Hiện nay, cháu Q đã khôn lớn trưởng thành khỏe mạnh và có công việc riêng, nên anh không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh S và chị T đều vắng mặt, chị T có đơn trình bày quan điểm vẫn giữ nguyên ý kiến như nội dung trình bày tại Tòa trước đây và không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành các thủ tục theo đúng quy định, đã tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho các bên trình bày quan điểm của

mình nhưng hòa giải không thành; tại phiên tòa mở lần thứ nhất, anh S vắng mặt không có lý do; tại phiên tòa mở lần thứ hai chị T có đơn xin vắng mặt, anh S tiếp tục vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng tiến hành xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết cho chị T được ly hôn anh S. Chị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ-ợc thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đ-ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đoàn Thị T làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân huyện UH tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền. Tòa án đã triệu tập anh S đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh S vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng, chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án xét xử vắng mặt nguyên, bị đơn theo đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị T và anh Đoàn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH ngày 23/04/2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị T và anh S đều thừa nhận hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do cả hai vợ chồng luôn xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa dẫn đến việc đã sống ly thân hơn 10 năm nay. Chị T cương quyết xin được ly hôn với anh S. Đối với anh S xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, đã sống ly thân trong thời gian dài, anh S không đồng ý ly hôn và muốn chờ con trai chung của anh và chị T tháng 12 năm 2020 ra Q trở về gia đình đoàn tụ, anh muốn lắng nghe ý kiến của con trai anh rồi anh mới quyết định giải quyết việc ly hôn; nhưng cho đến tháng 3 năm 2021 anh S cũng không có bổ sung, không có xuất trình thêm nội dung, ý kiến gì.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữ chị T với anh S là căng thẳng, đã sống ly thân hơn 10 năm, hôn nhân giữa hai vợ chồng thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, không còn gắn kết đời sống chung, tình cảm không còn, không thể kéo dài cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T cương quyết xin được ly hôn, anh S không đồng ý ly hôn nhưng cũng không thể hiện thái độ thiện chí hàn gắn, xây đắp, giữ hạnh phúc gia đình, nên xử chấp nhận đơn ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh S là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: anh Svà chị T có 01 con chung là Đoàn Mạnh Q - sinh ngày 17/12/2000. Hiện nay cháu Q đã trưởng thành và khỏe mạnh, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị T và anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị T được ly hôn anh Đoàn Văn S.

2. Về con chung: Chị Đoàn Thị T và anh Đoàn Văn S có 01 con chung: Đoàn Mạnh Q - sinh ngày 17/12/2000. Hiện nay, cháu Q đã trưởng thành và khỏe mạnh.

3. Về tài sản, công nợ chung: chị Đoàn Thị T và anh Đoàn Văn S đều không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009844 ngày 12 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện UH, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi thường trú./.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện UH;
- Chi cục THA.DS huyện UH;
- UBND xã nơi Đăng ký kết hôn;
- Các đ- ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thiện